

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **88/2022/HS-ST**

Ngày: 27-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Ninh;

Ông Trần Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Dàng - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 84/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Tiến N, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2004 tại Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn P, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chí C và bà Nguyễn Thị D; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã G, huyện D áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với thời hạn 03 tháng; bị cáo tại ngoại tại thôn P, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

Vợ chồng ông Nguyễn Chí C, sinh năm: 1976 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1974; cùng nơi cư trú: Thôn P, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Công V, bà Trần Thanh X – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lâm Đồng, ông V có mặt tại phiên tòa, bà X vắng mặt.

Bị hại:

1. Chị Ka N, sinh năm: 1990; nơi cư trú: Thôn B, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, có mặt;

2. Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1968; nơi cư trú: Thôn B, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, có mặt;

3. Bà Lê Thị T, sinh năm: 1973; nơi cư trú: Thôn G, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đinh Thị T, sinh năm: 1959; địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Trần Trí T, sinh năm: 1971; nơi cư trú: đường P, Phường A, thành phố , tỉnh Lâm Đồng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 21 tháng 3 năm 2022, Nguyễn Tiến N đi bộ từ nhà mình tại thôn P, xã G đến thôn G, xã G mục đích tìm tài sản của người dân để sơ hờ thì trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi N đi đến nhà bà Lê Thị T sinh năm: 1973, địa chỉ: Thôn G, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng thì N phát hiện xe mô tô biển số: 36K2- 5655 của bà T để ở trong sân nhà, trên xe có cắm sẵn chìa khoá, cổng nhà không khoá, N mở cổng đi bộ vào bên trong sân dắt xe máy ra ngoài đường rồi nổ máy điều khiển xe chạy về hướng thành phố Đ tìm nơi tiêu thụ. Khi lên đến thành phố Đ, N bán xe cho ông Trần Trí T, sinh năm: 1971, địa chỉ số: đường P, phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng với giá 600.000 đồng, khi bán N nói là xe cũ của nhà mình dùng để đi vườn nên không có giấy tờ xe. Số tiền bán xe, N đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 26 tháng 3 năm 2022, Nguyễn Tiến Nt đi bộ từ nhà mình tại thôn P, xã G đến thôn K, xã Đ mục đích tìm tài sản của người dân để sơ hờ thì trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi N đi đến nhà bà Đinh Thị T, sinh năm: 1959, địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng thì N phát hiện xe mô tô biển số: 49E1- 148.26 của bà T để ở trong sân nhà, trên xe cắm sẵn chìa khoá, cổng nhà không khoá, N mở cổng đi bộ vào bên trong sân dắt xe máy ra ngoài đường rồi nổ máy điều khiển xe chạy về hướng thành phố Đ tìm nơi tiêu thụ. Đang trên đường đi, N bị công an xã N, huyện Đức Trọng tạm giữ xe máy nói trên do vi phạm giao thông.

Vụ thứ ba:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 22 tháng 4 năm 2022, Nguyễn Tiến N đi bộ từ nhà mình tại thôn P, xã G đến thôn B, xã G mục đích tìm tài sản của người dân để sơ hở thì trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi N đi đến nhà chị Ka N, sinh năm: 1990, địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng thì N phát hiện xe mô tô biển số: 49G1- 102.75 của chị Ka N để ở bên hông nhà, N đi bộ vào rồi dắt xe máy ra ngoài đường đá cách nhà chị Ka N khoảng 30m sau đó cắt dây điện, nổ máy xe chạy về hướng thành phố Đ tìm nơi tiêu thụ. Lên đến thành phố Đ, N tiếp tục bán xe mô tô này cho ông Trần Trí T với giá 800.000 đồng, khi bán N nói là xe cũ của nhà mình dùng đi vườn nên không có giấy tờ xe. Số tiền bán xe, N đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ tư:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 23 tháng 4 năm 2022, Nguyễn Tiến N đi bộ từ nhà mình tại thôn P, xã G đến thôn B, xã G mục đích tìm tài sản của người dân để sơ hở thì trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi N đi đến nhà ông Phạm Văn H, sinh năm: 1968, địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng thì N phát hiện xe mô tô biển số: 34K7- 4467 của ông H để ở trong sân nhà, trên xe cắm sẵn chìa khoá, cổng nhà không khoá, N mở cổng đi bộ vào bên trong sân dắt xe máy ra ngoài đường rồi nổ máy điều khiển xe chạy về hướng thành phố Đ tìm nơi tiêu thụ. Lên đến thành phố Đ, N tiếp tục bán xe cho ông Trần Trí T với giá 700.000 đồng, khi bán N nói là xe cũ của nhà mình dùng đi vườn nên không có giấy tờ xe. Số tiền bán xe, N đã tiêu xài cá nhân hết.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D tiến hành định giá tài sản là các xe máy bị trộm cắp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 390/KL-HĐĐG ngày 20/6/2022 của Hội đồng định giá huyện D kết luận xe mô tô biển số: 49G1-102.75 có giá trị là: 3.690.000 đồng; Tại bản kết luận định giá tài sản số: 422/KL-HĐĐG ngày 29/06/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D kết luận xe mô tô biển số: 34K7-4467 có giá trị là: 2.187.500 đồng; Tại bản kết luận định giá tài sản số: 453/KL-HĐĐG ngày 14/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D kết luận xe mô tô biển số 49E1-148.26 trị giá là 1.500.000 đồng; Tại bản kết luận định giá tài sản số 497/KL-HĐĐG ngày 01/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D kết luận xe mô tô biển số 36K2-5655 có giá trị là 2.800.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định Nguyễn Tiến N, sinh ngày 19/9/2004, tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 21 tháng 3 năm 2022, Nguyễn Tiến N mới 17 tuổi 06 tháng 03 ngày là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển số: 49E1-148.26 và 01 đăng ký xe mô tô biển số 49E1-148.26 hiện đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Đinh Thị T;

01 đăng ký xe mô tô biển số 49G1-102.75 số 007247 hiện đã trả lại cho chị Ka N; 01 đăng ký xe mô tô biển số 34K7-4467 số 0115559 hiện đã trả lại cho ông Phạm Văn H; 01 đăng ký xe mô tô biển số 36K2-5955 số 0137097 hiện đã trả lại cho bà Lê Thị T.

Đối với xe mô tô biển số: 49G1-102.75; xe mô tô biển số: 36K2-5655, xe mô tô biển số: 34K7-4467, Trần Trí T khai báo sau khi mua lại của N, T đã tháo rời các bộ phận để bán phế liệu nên không thu hồi lại được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Ka N yêu cầu bồi thường số tiền: 3.600.000 đồng; bà Lê Thị T yêu cầu bồi thường số tiền: 2.800.000 đồng; ông Phạm Văn H yêu cầu bồi thường số tiền: 2.187.500 đồng hiện tại Nguyễn Tiến N chưa bồi thường được. Riêng bà Đinh Thị T đã nhận lại xe máy nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Tiến N đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của bản thân.

Cáo trạng số 82/CT-VKS ngày 08/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Tiến N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi mà mình đã thực hiện như nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Bị cáo thống nhất và không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Tiến N về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng số 82/CT-VKS ngày 08/9/2022 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Qua phân tích đánh giá tính chất mức độ về hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; các Điều 38, 50; 90, 91, 101; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến N từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Ka N số tiền: 3.690.000 đồng; bà Lê Thị T số tiền: 2.800.000 đồng; ông Phạm Văn H số tiền: 2.187.500 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Thống nhất tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Từ khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo là sai,

là vi phạm pháp luật. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nên nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế, hơn nữa bị cáo mới học hết lớp 05/12, bố bị cáo bị bệnh, bị cáo thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của gia đình nên dẫn đến hành vi phạm tội. Trong vụ án này, các bị hại cũng có lỗi trong việc quản lý tài sản dẫn đến việc bị cáo dễ dàng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 91, 98 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời, thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo thống nhất với lời bào chữa của người bào chữa, không tranh luận bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận, đối đáp: Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng điểm b, i khoản 1 Điều 51 cho bị cáo thì từ khi thực hiện hành vi phạm tội đến nay, bị cáo chưa bồi thường thiệt hại cho các bị hại; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng lại phạm tội nhiều lần nên Viện kiểm sát không áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo; Viện kiểm sát đã cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân, độ tuổi mà bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên mới đề nghị mức án nói trên.

Các bị hại không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Di Linh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 21/3/2022 bị cáo N trộm cắp xe mô tô biển số 36K2 - 5655 của bà Lê Thị T trị giá 2.800.000 đồng; ngày 22/4/2022, bị cáo N trộm cắp xe mô tô biển số 49G1 -

102.75 của chị Ka N trị giá 3.690.000 đồng; ngày 23/4/2022 bị cáo N trộm cắp xe mô tô biển số 34K7 - 4467 của ông Phạm Văn H trị giá 2.187.500 đồng, tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 8.677.500 đồng. Hành vi của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Bị cáo trộm cắp tài sản ba lần, mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Ngoài ra khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo mới được 17 tuổi 06 tháng 03 ngày là người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi phạm tội nên cần áp dụng thêm các quy định tại chương XII Bộ luật hình sự để xử lý.

[5] Về quyết định hình phạt: Xét thấy khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tuy bị cáo là người chưa thành niên, nhưng bị cáo có nhận thức pháp luật, biết rõ tài sản hợp pháp của người khác phải được pháp luật bảo vệ nhưng bị cáo lại lén lút ba lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trị giá 8.677.500 đồng. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến trật tự, trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, gây nghi kỵ lẫn nhau nên cần xử phạt bị cáo hình phạt thật nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Ka N yêu cầu bồi thường số tiền: 3.690.000 đồng; bà Lê Thị T yêu cầu bồi thường số tiền: 2.800.000 đồng; ông Phạm Văn H yêu cầu bồi thường số tiền: 2.187.500 đồng. Bị cáo chưa bồi thường nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại.

Riêng bà Đinh Thị T đã nhận lại xe mô tô nên không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô biển số: 49E1-148.26 và 01 đăng ký xe mô tô biển số 49E1-148.26 hiện đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Đinh Thị T; 01 đăng ký xe mô tô biển số 49G1-102.75 số 007247 hiện đã trả lại cho chị Ka N; 01 đăng ký xe mô tô biển số 34K7-4467 số 0115559 hiện đã trả lại cho ông

Phạm Văn H; 01 đăng ký xe mô tô biển số 36K2-5955 số 0137097 hiện đã trả lại cho bà Lê Thị T nên không đề cập.

[9] Đối với xe mô tô biển số: 49E1-148.26 của bà Đinh Thị T bị Nguyễn Tiến N trộm cắp vào ngày 26/3/2022. Theo kết luận định giá tài sản là: 1.500.000 đồng chưa đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Di Linh đã ra quyết định xử phạt hành chính Nguyễn Tiến N về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định 144/2021/NĐ-CP với số tiền là: 1.250.000 đồng là đúng theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với Trần Trí T là người nhiều lần mua các xe máy do Nguyễn Tiến N trộm cắp đem bán. Việc mua xe mô tô trên diễn ra ở thành phố Đ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Di Linh đã có Công văn trao đổi với Công an thành phố Đà Lạt để giải quyết việc mua xe máy nói trên theo thẩm quyền. Quyết định khởi tố vụ án số 181/QĐ-ĐTTH ngày 30/8/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt khởi tố vụ án hình sự “*Trộm cắp tài sản*”, “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; Quyết định khởi tố bị can số 358/QĐ-ĐTTH ngày 30/8/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt khởi tố bị can Trần Trí T về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” nên hành vi của T sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tiến N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các Điều 38, 50; 90, 91, 101; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Tiến Nhật **12** (*Mười hai*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 586, 587, 589 Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo Nguyễn Tiến N có trách nhiệm bồi thường cho chị Ka N số tiền 3.690.000 (*Ba triệu sáu trăm chín mươi nghìn*) đồng; bồi thường cho bà Lê Thị T số tiền 2.800.000 (*Hai triệu tám trăm nghìn*) đồng; bồi thường cho ông Phạm Văn H số tiền 2.187.500 (*Hai triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm*) đồng bằng tài sản của mình; Trường hợp bị cáo không đủ tài sản để bồi thường thì cha mẹ của bị cáo là vợ chồng ông Nguyễn Chí C, bà Nguyễn Thị D phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bồi thường nói trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 433.875 (*Bốn trăm ba mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi lăm*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo; các bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa là ông Trần Chí T, bà Đinh Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Công an huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Đoàn Văn Chiến

